

Mẫu CBTT-07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI SẢN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM - VF4
Quý III năm 2008

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải-CN TP.Hồ Chí Minh
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam - VF4
- 4 Ngày lập báo cáo: 07/10/2008

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	KỲ BÁO CÁO Quý III/2008	KỲ TRƯỚC Quý II/2008
I	TỔNG TÀI SẢN	810,132,868,581	743,381,167,077
1	Tiền	373,520,912,358	629,736,102,744
1.1	Tiền gửi không kỳ hạn	29,520,912,358	100,736,102,744
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn	344,000,000,000	529,000,000,000
2	Các khoản đầu tư	416,468,871,500	112,429,481,000
2.1	Trái phiếu		
2.1.1	Trái phiếu chính phủ		
2.1.2	Trái phiếu công ty		
2.2	Cổ phiếu	416,468,871,500	112,429,481,000
2.2.1	CP niêm yết	383,152,171,500	112,429,481,000
2.2.2	CP chưa niêm yết	33,316,700,000	
2.3	Bất động sản		
2.4	Đầu Tư khác		
3	Cổ tức được nhận	575,850,000	
4	Lãi được nhận	1,692,234,723	1,215,583,333
4.1	Lãi trái phiếu		
4.2	Lãi TGNH	1,692,234,723	1,215,583,333
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	17,875,000,000	
6	Các khoản phải thu khác		
7	Các tài sản khác		
II	TỔNG NỢ	5,560,752,008	1,353,227,200
1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán	4,149,510,140	49,798,966
1.1	Phải trả GDCK niêm yết	4,004,120,000	

1.2	Phí môi giới GDCK	145,390,140	49,798,966
2	Các khoản phải trả khác	1,411,241,868	1,303,428,234
2.1	Lệ phí cấp giấy phép thành lập quỹ		
2.2	Phí quản lý phải trả	1,343,265,063	1,238,845,079
2.3	Phí giám sát phải trả	43,656,115	40,262,465
2.4	Lương cho Ban đại diện Quỹ	24,320,690	24,320,690
III	<u>TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ (I.8-II.8)</u>	<u>804,572,116,573</u>	<u>742,027,939,877</u>
1	Tổng số đơn vị quỹ	80,646,000	80,646,000
2	Giá trị của một đơn vị quỹ	9,977	9,201

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

NGUYỄN M. Đ. KHÁNH

Mẫu CBTT-08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM - VF4**

Quý III năm 2008

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải-CN TP.Hồ Chí Minh
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam - VF4
- 4 Ngày lập báo cáo: 07/10/2008

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Quý III/2008	KỲ TRƯỚC Quý II/2008
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	742,027,939,877	790,629,673,785
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	62,544,176,696	(48,601,733,908)
	Trong đó :		
1	Thay đổi của giá trị Tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư của Quỹ trong kỳ	62,544,176,696	(48,601,733,908)
2	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ đối với các nhà Đầu tư	-	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	804,572,116,573	742,027,939,877

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

NGUYỄN M. Đ. KHÁNH

Mẫu CBTT-09

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM - VF4

Quý III năm 2008

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải-CN TP.Hồ Chí Minh
3 Tên Quỹ : Quỹ Đầu Tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam -VF4
4 Ngày lập báo cáo: 07/10/2008

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	KỲ BÁO CÁO Quý III/2008	KỲ TRƯỚC Quý II/2008
A	B	1	2
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	22,487,367,812	19,475,404,778
1	Cổ tức được nhận	907,930,000	765,687,240
2	Lãi được nhận	21,579,437,812	18,709,717,538
2.1	<i>Lãi trái phiếu được nhận</i>		
2.2	<i>Lãi tiền gửi</i>	<i>21,579,437,812</i>	<i>18,709,717,538</i>
3	Thu nhập khác		
II	Chi phí	4,864,817,612	4,106,730,401
1	Phí quản lý Quỹ	4,129,129,744	3,780,184,861
2	Phí giám sát, quản lý tài sản Quỹ	134,196,717	122,856,008
3	Phí và chi phí khác	601,491,151	203,689,532
3.1	<i>Phí ngân hàng</i>	<i>3,882,510</i>	<i>1,413,326</i>
3.2	<i>Thù lao Ban đại diện</i>	<i>72,000,000</i>	<i>72,000,000</i>
3.3	<i>Phí môi giới bán CK</i>	<i>59,356,644</i>	<i>110,276,206</i>
3.4	<i>Lệ phí cấp đăng ký lập quỹ VF4 cho UBCKNN</i>		<i>20,000,000</i>
3.5	<i>Phí quản lý niêm yết cho SGDHCM năm 2008</i>	<i>11,666,667</i>	
3.6	<i>Chi phí tư vấn luật</i>	<i>6,794,717</i>	
3.7	<i>Chi phí về họp đại hội</i>	<i>230,501,846</i>	

3.8	<i>Chi phí khác</i>	217,288,767	
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	17,622,550,200	15,368,674,377
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	44,921,626,496	(63,970,408,285)
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	5,788,100,040	(47,719,549,843)
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư	39,133,526,456	(16,250,858,442)
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)	62,544,176,696	(48,601,733,908)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

NGUYỄN M. Đ. KHÁNH